

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
TỔNG CÔNG TY BẢO ĐẢM
AN TOÀN HÀNG HẢI MIỀN NAM
 Số: 302/TBHH-TCTBĐATHHMN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 25 tháng 12 năm 2020.



THÔNG BÁO HÀNG HẢI

Về thông số kỹ thuật độ sâu các đoạn cạn Vịnh Gành Rái, Dân Xây, Kervella, Mũi L'est, Propontis, Đá Hàn, phao "58", Navioil, P71-ĐT83, vùng quay tàu VQ1 và VQ2.

HCM - 70 - 2020.

Vùng biển: Thành phố Hồ Chí Minh.

Tên luồng: Luồng hàng hải Sài Gòn - Vũng Tàu.

Căn cứ Bình đồ đo sâu ký hiệu từ VGR_2012_01 đến VGR_2012_06, KER_2012_01 đến KER_2012_02, DX_2012_01 đến DX_2012_02, PRO_2012, ĐH_2012, ML_2012_01 đến ML_2012_04, ĐC-P58_2012, NAVI_2012_01 đến NAVI_2012_02, P71 - ĐT83_2012_01 đến P71 - ĐT83_2012_07, VQ1_2012, VQ2_2012, SGVT/2020/ML_01 đến SGVT/2020/ML_02 tỷ lệ 1/2.000; đo đạc hoàn thành tháng 12/2020, các số liệu liên quan do Xí nghiệp Khảo sát hàng hải miền Nam; Công ty TNHH Dịch vụ kỹ thuật khảo sát biển Phương Nam cung cấp và theo đề nghị của Trưởng phòng An toàn hàng hải.

Thừa ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam thông báo:

Trong phạm vi khảo sát đáy luồng các đoạn cạn luồng hàng hải Sài Gòn - Vũng Tàu: Vịnh Gành Rái, bề rộng 400m; Dân Xây, Kervella, Mũi L'est, Propontis, Đá Hàn, phao "58", Navioil, P71 - ĐT83, bề rộng 150m; vùng quay tàu VQ1 và VQ2, được giới hạn và hướng dẫn bởi hệ thống phao báo hiệu hàng hải, độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200kHz tính đến mực nước số "0" hải đồ như sau:

1. Đoạn cạn Vịnh Gành Rái từ thượng lưu phao BHHH số "8" luồng Vũng Tàu - Thị Vải + 800m đến thượng lưu phao BHHH số "3" luồng Sài Gòn - Vũng Tàu + 800m:

- Xuất hiện một số điểm có độ sâu 8,1m; 8,2m; 8,3m; 8,4m nằm bên biên luồng trái tại vị trí có tọa độ như sau:

Điểm độ sâu (m)	Hệ tọa độ VN2000		Hệ tọa độ WGS-84	
	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)
8,1	10°23'33,5"N	107°01'48,1"E	10°23'29,8"N	107°01'54,5"E
8,2	10°23'33,7"N	107°01'48,3"E	10°23'30,0"N	107°01'54,8"E
8,3	10°23'33,9"N	107°01'48,6"E	10°23'30,2"N	107°01'55,0"E
8,4	10°23'34,0"N	107°01'48,9"E	10°23'30,4"N	107°01'55,3"E
8,4	10°23'32,2"N	107°01'49,6"E	10°23'28,5"N	107°01'56,0"E

Ngoài các điểm độ sâu nêu trên, độ sâu đoạn luồng này đạt 8,5m trở lên.

2. Đoạn cạn Dần Xây từ hạ lưu phao BHHH số "29" - 400m đến thượng lưu phao BHHH số "26" + 400m, độ sâu nhỏ nhất đạt 8,9m trở lên.

3. Đoạn cạn Kervella từ hạ lưu phao BHHH số "28" - 400m đến phao BHHH số "33":

- Xuất hiện một số điểm cạn có độ sâu 7,2m; 8,4m; 7,7m; nằm sát biên luồng phải tại vị trí có tọa độ như sau:

Điểm độ sâu (m)	Hệ tọa độ VN2000		Hệ tọa độ WGS-84	
	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)
7,2	10°33'04,0"N	106°50'58,6"E	10°33'00,3"N	106°51'05,1"E
8,4	10°33'04,0"N	106°50'58,3"E	10°33'00,3"N	106°51'04,8"E
7,7	10°33'16,6"N	106°50'49,8"E	10°33'13,0"N	106°50'56,3"E

Ngoài các điểm cạn nêu trên độ sâu đoạn luồng này đạt 8,6m trở lên.

4. Đoạn cạn Mũi L'est từ phao BHHH số "33" đến phao BHHH số "37A":

- Dải điểm độ sâu nằm bên phải luồng kéo dài từ hạ lưu phao BHHH số "34" - 135m đến phao BHHH số "34", chiều dài khoảng 135m, lún luồng xa nhất 08m, độ sâu nhỏ nhất đạt 7,8m nằm sát biên luồng.

- Dải điểm độ sâu nằm bên phải luồng kéo dài từ Đăng tiêu số "35" đến thượng lưu phao BHHH số "37" + 70m, chiều dài khoảng 573m, lún luồng xa nhất 50m, độ sâu nhỏ nhất đạt 7,38m nằm sát biên luồng.

- Dải điểm độ sâu nằm bên trái luồng kéo dài từ thượng lưu phao BHHH số "37" + 815m đến hạ lưu phao BHHH số "40" - 415m, chiều dài khoảng 325m, lún luồng xa nhất 20m, độ sâu nhỏ nhất đạt 8,1m nằm sát biên luồng.

- Dải điểm độ sâu nằm bên trái luồng kéo dài từ hạ lưu phao BHHH số "40" - 187m đến thượng lưu phao BHHH số "40" + 236m, chiều dài khoảng 423m, lún luồng xa nhất 14m, độ sâu nhỏ nhất đạt 7,7m nằm sát biên luồng.

Ngoài các dải điểm độ sâu nêu trên độ sâu đoạn luồng này đạt 8,5m trở lên.

5. Đoạn cạn Propontis từ phao BHHH số "37A" đến hạ lưu phao BHHH số "46" - 100m:

- Xuất hiện một số điểm có độ sâu 8,1m; 8,2m; 8,3m; nằm bên biên luồng phải tại vị trí có tọa độ như sau:

Điểm độ sâu (m)	Hệ tọa độ VN2000		Hệ tọa độ WGS-84	
	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)
8,1	10°35'31,6"N	106°51'31,8"E	10°35'28,0"N	106°51'38,2"E
8,2	10°35'31,7"N	106°51'31,5"E	10°35'28,0"N	106°51'37,9"E
8,3	10°35'31,8"N	106°51'31,1"E	10°35'28,1"N	106°51'37,6"E

- Dải điểm độ sâu nằm bên trái luồng kéo dài từ thượng lưu phao BHHH số "44" + 84m đến hạ lưu phao BHHH số "46" - 823m, chiều dài khoảng 118m, lún luồng xa nhất 27m, độ sâu nhỏ nhất đạt 8,1m nằm sát biên luồng.

Ngoài các điểm độ sâu và dải điểm độ sâu nêu trên, độ sâu đoạn luồng này đạt 8,5m trở lên.

6. Đoạn cạn Đá Hàn từ hạ lưu phao BHHH số “46” – 100m đến thượng lưu phao BHHH số “43” + 300m, độ sâu nhỏ nhất đạt 8,5m trở lên.

7. Đoạn cạn Phao “58” tại khu vực mũi Pha Mi:

- Dải điểm độ sâu nằm bên trái luồng, kéo dài từ phao BHHH số “58” về phía thượng lưu lần luồng xa nhất 86m, độ sâu nhỏ nhất đạt 6,6m.

Ngoài dải điểm độ sâu nêu trên, độ sâu đoạn luồng này đạt 8,5m trở lên.

8. Đoạn cạn Navioil từ phao BHHH số “67” đến thượng lưu phao BHHH số “69” + 850m, độ sâu nhỏ nhất đạt 8,7m trở lên.

9. Đoạn cạn P71 - ĐT83 từ phao BHHH số “71” đến thượng lưu Đăng tiêu số “83” + 1300m:

- Dải điểm độ sâu chắn ngang luồng kéo dài từ hạ lưu phao BHHH số “73” – 130m đến hạ lưu phao BHHH số “75” – 30m, chiều dài khoảng 1,4km, độ sâu nhỏ nhất ở tim luồng đạt 6,8m, độ sâu nhỏ nhất đoạn luồng này đạt 6,4m nằm sát biên trái luồng.

- Xuất hiện điểm có độ sâu 7,8m nằm sát biên trái luồng tại khu vực thượng lưu cảng Lotus.

- Xuất hiện điểm có độ sâu 7,9m và 8,4m nằm sát biên trái luồng tại khu vực đối diện Nhà máy tàu biển Sài Gòn.

- Dải điểm độ sâu chắn ngang luồng kéo dài từ hạ lưu phao BHHH số “77” – 170m đến hạ lưu phao BHHH số “66” – 330m, chiều dài khoảng 1,50m, độ sâu nhỏ nhất ở tim luồng đạt 7,4m, độ sâu nhỏ nhất đoạn luồng này đạt 6,3m nằm sát biên phải luồng.

- Dải điểm độ sâu nằm sát biên trái luồng kéo dài từ phao BHHH số “66” đến thượng lưu phao BHHH số “66” + 340m, chiều dài khoảng 340m, độ sâu nhỏ nhất đạt 6,9m nằm sát biên luồng.

- Xuất hiện điểm độ sâu 8,3m tại vị trí có tọa độ như sau:

Độ sâu (m)	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)
8,3	10°46'05,6" N	106°45'03,0" E	10°46'01,9" N	106°45'09,5" E

- Dải điểm độ sâu nằm sát biên trái luồng kéo dài từ hạ lưu phao BHHH số “81” – 650m đến hạ lưu phao BHHH số “81” – 390m, chiều dài khoảng 260m, độ sâu nhỏ nhất đạt 8,0m nằm sát biên luồng.

- Dải điểm độ sâu nằm sát biên trái luồng kéo dài từ hạ lưu đăng tiêu số “68” – 300m đến thượng lưu đăng tiêu số “68” + 75m, chiều dài khoảng 375m, độ sâu nhỏ nhất đoạn luồng này đạt 6,9m nằm sát biên luồng.

27
/
A
/
H
/
110

- Xuất hiện một số điểm có độ sâu 7,7m; 7,9m; 8,2m; 8,3m tại vị trí có tọa độ như sau:

Độ sâu (m)	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)
8,3	10°46'40,5" N	106°44'03,5" E	10°46'36,8" N	106°44'09,9" E
8,2	10°46'14,0" N	106°43'57,7" E	10°46'10,4" N	106°44'04,2" E
8,2	10°46'07,5" N	106°43'56,6" E	10°46'03,8" N	106°44'03,0" E
8,2	10°46'04,8" N	106°43'56,3" E	10°46'01,2" N	106°44'02,8" E
7,7	10°46'04,3" N	106°43'56,8" E	10°46'00,6" N	106°44'03,2" E
7,9	10°46'02,6" N	106°43'56,2" E	10°45'58,9" N	106°44'02,6" E
8,3	10°46'01,2" N	106°43'56,3" E	10°45'57,5" N	106°44'02,8" E

Ngoài các dải điểm độ sâu và các điểm độ sâu nêu trên, độ sâu tại đoạn luồng này đạt 8,5m trở lên.

10. Đoạn cạn Vũng quay VQ1 nửa đường tròn có đường kính 340m tại khu vực đối diện cảng Sài Gòn, độ sâu đạt 2,3m trở lên.

11. Đoạn cạn Vũng quay VQ2 nửa đường tròn có đường kính 480m tại khu vực đối diện Kênh Tẻ, độ sâu đạt 4,9m trở lên.

HƯỚNG DẪN HÀNG HẢI:

Các phương tiện hành hải trên tuyến luồng hàng hải Sài Gòn - Vũng Tàu cần chú ý thông báo hàng hải, bình đồ độ sâu và hệ thống báo hiệu hàng hải dẫn luồng để có biện pháp hành hải an toàn. Tuyệt đối tuân thủ sự điều động của Cảng vụ Hàng hải thành phố Hồ Chí Minh. / *CHUY*

Nơi nhận:

- Cục Hàng hải Việt Nam;
- Cảng vụ Hàng hải Tp Hồ Chí Minh;
- Công ty Thông tin điện tử Hàng hải;
- Lãnh đạo Tổng công ty BĐATHH miền Nam;
- website www.vms-south.vn;
- Phòng: KT-KH, KT, HTQT&QLHT;
- Lưu VT-VP, P.ATHH^{Nhiên}.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Trần Đức Thi



Danh sách nơi nhận kèm theo

- | | | | |
|----|--|----|---|
| 1 | Bộ Tư lệnh Hải quân | 13 | Bộ đội biên phòng tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu |
| 2 | Cục Đường thủy nội địa Việt Nam | 14 | Công ty Vận tải biển . II (VINASHIP) |
| 3 | Chi Cục Đường thủy nội địa phía Nam | 15 | Cty Vận tải và thuê tàu biển VN (Vitranchart) |
| 4 | Cục Cảnh sát biển | 16 | Cty Vận tải xăng dầu đường biển |
| 5 | Chi Cục đường sông phía Nam | 17 | Cty Vận tải Thủy Bắc |
| 6 | Tập đoàn Dầu khí Việt Nam | 18 | Cty VT và cung ứng xăng dầu đường thủy I |
| | - XNLD Dầu khí Vietsovetro (VSP) | 19 | Cty Vận tải biển Sài Gòn |
| | - Tổng Cty Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí (PTSC) | 20 | Trường Cao đẳng nghề Hàng hải TP.HCM |
| | - Tổng Cty Thăm dò khai thác Dầu khí (PVEP) | 21 | Cảng Sài Gòn |
| | - Tổng Cty Vận tải Dầu khí (PVTrans) | 22 | Trường Đại học GTVT TP.HCM |
| | - Cty CP Vận tải SP Khí quốc tế (Gas shipping) | 23 | Cty Bảo đảm an toàn hàng hải Đông Nam Bộ |
| | - Trung tâm ứng phó sự cố tràn dầu KV miền Nam | 24 | XN Khảo sát hàng hải miền Nam |
| 7 | Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam | 25 | XN Tàu dịch vụ dầu khí |
| 8 | Tổng Cty Hàng hải Việt Nam | 26 | XN Liên doanh dầu khí Việt Xô |
| | - Cty Vận tải Biển Đông (BISCO) | 27 | XN Trục Vớt Cứu Hộ Vận Tải I |
| | - Cty Vận tải biển Container Vinalines (VCSC) | 28 | Công ty Phương Nam - Bộ Quốc Phòng |
| | - Cty Vận tải biển Vinalines (VLC) | 29 | Cảng vụ Hàng hải TP. Hồ Chí Minh |
| | - Cty CP Hàng hải Đông Đo (Dong Do MARINE) | 30 | Cty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải KV I |
| | - Cty CP Vận tải biển & Hợp tác LĐ Quốc tế (INLACO SAIGON) | 31 | Đài thông tin Duyên hải Vũng Tàu |
| | - Công ty CP hàng hải Vinalines Nha Trang | 32 | Bộ đội biên phòng thành phố Hồ Chí Minh |
| 9 | Đại lý Hàng hải Sài Gòn (Vosa Sài Gòn) | 33 | Sở GTVT, Sở NN&PTNT Tp.Hồ Chí Minh |
| 10 | Đài tiếng nói nhân dân Tp.Hồ Chí Minh | | |
| 11 | Đài thông tin Duyên hải Tp. Hồ Chí Minh | | |
| 12 | Công ty Vận tải biển VN (VOSCO) | | |

11/10/12



